TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2019/HS-ST
Ngày 25 tháng 01 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lâm – Nguyên giáo viên
Ông Đặng Quang Vọng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án Nhân dân thị xã Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST – HS ngày 25 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

1/ **Nguyễn Văn N** (Tên gọi khác: T); sinh năm 1999, tại: Bình Phước.

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, TX P, tỉnh Bình Phước, Trình độ văn hóa: 7/12, Nghề nghiệp: Không, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Tiền án: không, Tiền sự: 01 *(ngày 17/01/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 03/QĐ-TA)*; Con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1967, bị bắt tạm giam từ ngày 06/6/2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ **Nguyễn Quốc H**, sinh ngày 20/11/2001; tại: Bình Phước.

Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; Trình độ văn hóa: 8/1, nghề nghiệp: Làm nông, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Nguyễn Văn H; sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị N; sinh năm 1978. Bị cáo bị áp dụng giao cho người đại diện giám sát (Theo Quyết định số 403 ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Quốc H là ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị N; sinh năm 1978 (Có mặt bà N);

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Quốc H: Ông Nguyễn Ghi K – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Người bị hại:

1/ Ông NBH1, sinh năm 1998; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

2/ Ông NBH2, sinh năm 1982; (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

3/ Anh NBH3, sinh năm 1995; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

4/ Chị NBH4, sinh năm 1997; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Z, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

5/ Anh NBH5, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp của anh NBH5 là ông NLQ3 – sinh năm 1956;

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông NLQ1, sinh năm 1977; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Z, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

2/ Bà NLQ2, sinh năm 1996; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

3/ Ông NLQ3, sinh năm 1956; (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng:

1/ Ông NLC1, sinh năm 1965; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố I, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

2/ Ông NLC2, sinh năm 1972; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

3/ Ông NLC3, sinh năm 1997; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

4/ Ông NLC4, sinh năm 1986; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

5/ Ông NLC5, sinh năm 1997; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N là đối tượng không có nghề nghiệp và nghiện ma túy, do muốn có tiền tiêu xài nuôi sống bản thân, nên từ cuối tháng 02 năm 2018 đến cuối tháng 3 năm 2018 N đã 05 lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt xe mô tô của người khác trên địa bàn xã L, phường T và xã P thuộc thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước rồi mang đi bán lấy tiền tiêu xài. Cụ thể như sau:

Vụ thứ 1:

Khoảng 14 giờ 00’ ngày 28/02/2018 N điện thoại cho NBH1, sinh năm 1998, trú tại thôn T, xã B, huyện P, Bình Phước đến nhà của N để N chỉ người đã lấy trộm xe mô tô của NBH1 cho. Do đó, NBH1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius, biển số: 36B6-197.43 đến nhà N. Tại đây, NBH1 gặp Nguyễn Quốc H, sinh ngày 20/11/2001, trú tại thôn S, xã Đ, huyện B, Bình Phước cũng đang chơi ở nhà của N. N và NBH1 nói chuyện với nhau một lúc, thì N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số: 36B6-197.43 của NBH1 mang bán lấy tiền tiêu xài, nên N liền nói dối NBH1 ở lại chờ cho N mượn xe mô tô một lúc để chở H đi về nhà tắm rồi sẽ quay lại trả xe, thì NBH1 đồng ý *(bút lục 115)*. Sau khi mượn được xe mô tô của NBH1, N điều khiển xe chở H đi tìm nơi tiêu thụ, N và H mang xe của NBH1 đến nhà ông NLC1, sinh năm 1965, trú tại Khu phố I, phường L, thị xã P, Bình Phước hỏi bán xe, nhưng không có giấy đăng ký hợp pháp nên ông NLC1 không mua. Tại đây, ông Điểu Minh D, sinh năm 1962, HKTT: thôn B, xã Đ, huyện B, Bình Phước (là bạn của ông NLC1) thấy N bán xe nên hỏi về nguồn gốc xe để mua, thì N nói xe của N bị mất giấy đăng ký. Lúc này, N và H muốn bán được xe nên H đưa giấy chứng minh nhân dân của H ra làm tin để bán xe, nên D đã đồng ý mua với giá 3.000.000 đ (ba triệu đồng). H đứng tên viết giấy bán xe cho D, lấy tiền xong thì cả hai bỏ đi. *(bút lục 173, 174, 197, 198)*

Đối với NBH1, sau khi không thấy N trả xe, NBH1 điện thoại hỏi N đòi lại xe, thì N cho biết đã bán xe cho Điểu Minh D, nên NBH1 đã đến Công an xã L, thị xã Phước Long trình báo và đề nghị giải quyết. Công an xã L tiến hành xác minh và đã thu giữ xe mô tô trên từ Điểu Minh D giao cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. *(bút lục 93, 173)*

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 07 ngày 14/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS thị xã Phước Long kết luận: Tại thời điểm ngày 28/02/2018 giá trị xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius, biển số: 36B6-197.43 là 16.650.000đ. *(bút lục 40, 85)*

Ngày 16/3/2018 Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long đã lập biên bản trả lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius, biển số: 36B6-197.43 nêu trên cho NBH1. NBH1 không có yêu cầu về bồi thường dân sự nên không đề cập đến. *(bút lục 98)*

Vụ thứ 2:

Khoảng 13 giờ 00’ ngày 01/3/2018, N điện thoại rủ NBH2, sinh năm 1982, trú tại Khu phố B, phường P, thị xã P, Bình Phước đến quán nước “NT” thuộc khu phố G, phường T, thị xã P, Bình Phước để uống nước và trả tiền 500.000đ N nợ từ trước. Do đó, NBH2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Vision màu đỏ, biển số: 93K1-104.16 đến quán nước NT gặp N. Tại đây, N và NBH2 nói chuyện một lúc, do không có tiền để trả nợ và thấy NBH2 có xe mô tô Vision màu đỏ, biển số: 93K1-104.16 nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô này bán lấy tiền tiêu xài. N liền hỏi NBH2 cho mượn xe mô tô trên và nói dối là đi vay tiền về trả cho NBH2, nên NBH2 đồng ý. Sau khi mượn được xe mô tô Vision, biển số: 93K1-104.16 của NBH2 thì N điều khiển xe đi về nhà xin tiền mẹ không được, N tiếp tục điều khiển xe đi về xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước gặp Nguyễn Quốc H, rồi rủ H cùng mang xe mô tô của NBH2 đến nhà NLC2, ở khu phố A, phường T, thị xã P, Bình Phước cầm cố cho NLC2 lấy tiền. Trên đường chở H đi đến đoạn đường cầu Đắk Lung thuộc khu phố G, phường L, thị xã P thì N giao xe cho H trực tiếp mang xe đến nhà NLC2 cầm cố lấy 5.000.000đ (năm triệu đồng), còn N đón xe taxi đến trước nhà NLC2 chờ H, sau khi cầm được xe cả hai quay về xã P tiêu xài hết số tiền trên. *(bút lục 174, 175, 198, 202)*

Sau khi biết N đã chiếm đoạt xe mô tô của mình mang cầm cố, NBH2 đã đến Công an phường T, thị xã Phước Long trình báo sự việc, đề nghị giải quyết. *(bút lục 125, 126)*

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 03/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS thị xã Phước Long kết luận: Tại thời điểm ngày 01/3/2018 giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Vision, biển số: 93K1-104.16 là 19.600.714đ. *(bút lục 41)*

Qua làm việc với NLC2, NLC2 khai không quen biết Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc H và không cầm cố xe mô tô Vision màu đỏ, biển số: 93K1-104.16 nêu trên. *(bút lục 137 - 141)*

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Vision màu đỏ, biển số: 93K1-104.16 là tài sản của NBH2, cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng đến nay chưa thu giữ được *(bút lục 88, 67)*. Và NBH2 yêu cầu Nguyễn Văn N phải bồi thường trị giá xe mô tô trên bằng tiền là 25.000.000đ. *(bút lục 126)*

Vụ thứ 3:

Khoảng 07 giờ 00’ ngày 05/3/2018, N gọi điện rủ NBH3, cư trú tại thôn I, xã P, huyện B, Bình Phước ra nhà N chơi. Sau đó NBH3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter, biển số: 93H1-245.65 đến nhà N. Tại đây, N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của NBH3 bán lấy tiền tiêu xài, nên N liền hỏi NBH3 cho mượn xe và nói dối đi mua nước uống và thuốc lá, thì NBH3 đồng ý. Sau khi mượn được xe mô tô của NBH3, N mang đến nhà NLC2, ở khu phố A, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước cầm cố cho NLC2 lấy 4.000.000đ (bốn triệu đồng). *(bút lục 175, 176)*

Sau khi biết N đã chiếm đoạt xe mô tô của mình, NBH3 đã đến Công an xã L, thị xã Phước Long trình báo sự việc, đề nghị giải quyết. *(bút lục 131)*

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 15 ngày 03/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS thị xã Phước Long kết luận: Tại thời điểm ngày 05/3/2018 giá trị xe mô tô Yamaha loại Exciter, biển số: 93H1-245.65 là 43.397.025đ. *(bút lục 43)*

Qua làm việc với NLC2, NLC2 khai không cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter, biển số: 93H1-245.65 nêu trên. *(bút lục 137 - 141)*

Đối với xe mô tô Yamaha loại Exciter, biển số: 93H1-245.65 là tài sản của Trương Quốc T, sinh năm 1997, địa chỉ thôn I, xã P, huyện B, Bình Phước, do NBH3 mượn của T làm phương tiện đi lại, cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng đến nay chưa thu giữ được *(bút lục 79, 92, 65)*. Và NBH3 có yêu cầu Nguyễn Văn N phải bồi thường trị giá xe mô tô trên bằng tiền theo kết luận định giá là 43.397.025đ. *(bút lục 134)*

Vụ thứ 4:

Vào khoảng 13 giờ 00’ ngày 08/3/2018, N đi đến phòng trọ của NBH4, ở Khu phố Z, phường T, thị xã Phước Long, Bình Phước chơi. Sau một lúc nói chuyện, N nhờ NBH4 đưa về nhà, thì NBH4 liền điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter, biển số: 93K1-088.77 chở N về. Khi đi đến đoạn đường ĐT741 thuộc Khu phố B, phường T, thị xã P, Bình Phước, NBH4 hỏi xin N tiền để tiêu xài, thì N liền nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của NBH4 đem đi bán. N kêu NBH4 dừng xe lại đứng chờ để N điều khiển xe mô tô đi gặp bạn hỏi mượn tiền rồi quay lại cho NBH4, thì NBH4 đồng ý. N điều khiển xe mô tô của NBH4 đi về hướng ở Khu phố I, phường L, thị xã P, Bình Phước rồi theo đường Lê Quý Đôn về Khu phố Z, phường T, thị xã P gặp NLC3, sinh năm 1997, bán cho NLC3 được 4.000.000 đ (bốn triệu đồng). Sau khi biết N đã chiếm đoạt xe mô tô của mình, NBH4 đã đến Công an phường T, thị xã Phước Long trình báo sự việc, đề nghị giải quyết. *(bút lục 141, 142)*

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 03/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS thị xã Phước Long kết luận: Tại thời điểm ngày 08/3/2018 giá trị xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter, biển số: 93K1-088.77 là 30.168.110đ. *(bút lục 41)*

Cơ quan điều tra đã làm việc với NLC3, NLC3 khai có quen biết với N, nhưng không giao dịch mua bán gì với N, mà N chỉ đề nghị bán xe mô tô Exciter 150 phân khối màu đen, nhưng NLC3 không mua. *(bút lục 151)*

Đối với xe mô tô Yamaha loại Exciter, biển số: 93K1-088.77 là tài sản của NLQ1, địa chỉ Khu phố Z, phường T, thị xã Phước Long (bố chồng của NBH4) đứng tên sở hữu cho NBH4 mượn sử dụng, cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng đến nay chưa thu giữ được *(bút lục 80, 83, 66)*. Và NBH4 yêu cầu Nguyễn Văn N phải bồi thường trị giá xe mô tô trên bằng tiền theo kết luận định giá là 30.168.110đ. *(bút lục141 – 143)*

Lần thứ 5:

Khoảng 10 giờ 00’ ngày 18/3/2018 Nguyễn Văn N nhận cuộc điện thoại của NLC4, sinh năm 1986, trú tại thôn Y, xã P, thị xã P rủ đi nhậu. N thuê xe Taxi đến quán nhậu

(không rõ tên) ở phường P, thị xã P. Tại đây gồm có NLC4, NLC5, sinh năm 1997, trú tại thôn Y, xã P, thị xã Phước Long và NBH5, sinh năm 2001, trú tại thôn H, xã B, huyện P, Bình Phước đã ngồi nhậu từ trước. N tham gia nhậu một lúc thì nghỉ, tất cả rủ nhau đi về nhà NLC5 chơi. NLC5 liền điều khiển xe mô tô hiệu Vision biển số 93P1-944.42 (xe của NBH5) chở NBH5 đi trước, N và NLC4 thuê xe taxi đi về nhà NLC4 lấy xe mô tô của NLC4 rồi cả hai đi đến nhà NLC5. Tại nhà NLC5, ngồi chơi một lúc thì NLC4 nói N đi về nhà NLC4 nói vợ NLC4 đưa tiền đi mua ma túy để sử dụng, thì N đồng ý. Lúc này NLC4 nói NBH5 đưa xe cho N mượn và NLC5 đang cầm sẵn chìa khóa xe của NBH5 nên NLC5 đưa cho N. Mượn được xe mô tô Vision biển số 93P1-944.42 của NBH5, N liền chạy xe đi về nhà NLC4, trên đường đi nhận được tin nhắn của NLC4 có nội dung "đừng về nhà mà chạy vào nhà của anh H1", N liền mang xe của NBH5 đến nhà Trương Bạch H1, sinh năm 1987 ở thôn T, xã B, huyện P, Bình Phước thì gặp mẹ của H1 tên là Nguyễn Thị H2, sinh năm 1960 đang ở nhà, bà H2 ra nhìn kiểm tra xe xong rồi đưa cho N số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng). Sau đó N đi ra thuê xe taxi đi về thì gặp NLC4 đi vào, N đưa hết số tiền cho NLC4 thì NLC4 chia cho N 1.500.000đ, số tiền này N tiêu xài hết.

Quá trình điều tra, ông NLQ3, sinh năm 1956 (bố của NBH5) cho biết: sau khi biết sự việc NBH5 cho N mượn xe mô tô hiệu Vision biển số 93P1-944.42 nhưng không trả mà mang đi cầm cố cho bà H2, ông đến hỏi thì bà H2 nói không cầm, mà người khác cầm và bà H2 nói chuộc lại xe giúp cho ông, thì ông đồng ý và giao cho bà H2 số tiền 10.000.000đ. Bà H2 gọi điện thoại cho một nam thanh niên (không rõ tên, địa chỉ) mang xe mô tô hiệu Vision biển số 93P1-944.42 lại đưa cho ông NLQ3, rồi ông NLQ3 mang xe mô tô hiệu Vision biển số 93P1-944.42 về nhà tiếp tục sử dụng. *(bút lục 162, 163)*

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 14 ngày 03/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS thị xã Phước Long kết luận: Tại thời điểm ngày 18/3/2018 giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Vision, biển số: 93P1-944.42 là 24.682.381đ. *(bút lục 42)*

Cơ quan điều tra đã làm việc với bà Nguyễn Thị H2, bà H2 trình bày trước đây có làm nghề cầm đồ, cầm xe nhưng đã nghỉ từ năm 2017, nên từ tháng 3/2018 H2 không cầm xe cho ai và cũng không có ai đến chuộc xe và H2 cũng khai nhận không cầm cố chiếc xe mô tô Vision, biển số: 93P1-944.42 từ đầu năm đến nay. *(bút lục 171)*

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Vision, biển số: 93P1-944.42 là tài sản của NLQ2, sinh năm 1996, trú tại thôn H, xã B, huyện P (anh của NBH5) cho NBH5 mượn làm phương tiện đi lại, sau đó bị N chiếm đoạt mang bán cho người khác, hiện chiếc xe này ông NLQ3 (bố của NLQ2 và NBH5) đã tìm lại được mang về sử dụng, cơ quan điều tra không tiến hành tạm giữ nên không đề cập xử lý. *(bút lục 81)*

Tại bản cáo trạng số 54/Ctr - VKSPL ngày 26 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo các điểm b, c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Quốc H về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa , vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa vẫn gi ữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo N phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo các điểm b, c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"* theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Phạm tội 02 lần trở lên*" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án từ 36 (Ba mươi sáu) tháng đến 40 (Bốn mươi) tháng tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Quốc H: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo H phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng", "Người phạm tội thành khẩn khai báo"* theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Phạm tội 02 lần trở lên*" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H mức án từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Phước Long, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố đối với bị cáo, phù hợp với Biên bản lấy lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội và các vật chứng đã thu giữ, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở khẳng định: từ ngày 28/02/2018 đến 18/3/2018 bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Quốc H đã lợi dụng sự quen biết để mượn xe mô tô của những người bị hại sau đó đem đi cầm cố, đi bán cho người khác để lấy tiền tiêu xài, hành vi của 02 bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* được quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, 02 bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật xử lý. Nhưng do lười lao động, muốn có tiền nhanh chóng để tiêu xài, hưởng thụ, các bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm. Cả 02 bị cáo không có nghề nghiệp, chuyên đi phạm tội để lấy tiền nuôi sống và sử dụng ma túy, chỉ trong thời gian ngắn đã gây ra liên tục nhiều vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại, trong đó bị cáo N thực hiện 05 vụ chiếm đoạt tổng giá trị tài sản là 134.498.230 đồng, nên hành vi của bị cáo N có tính chất chuyên nghiệp, bị cáo H có 02 vụ chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá là 36.250.714 đồng. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm b, c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Quốc H về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn do 02 bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án, bị cáo N là người rủ rê, khởi xướng và cũng là người thực hiện việc phạm tội, nên bị cáo là người giữ vai trò chính trong vụ án. Còn bị cáo H mặc dù không trực tiếp lấy xe của người bị hại, nhưng bị cáo biết N chuyên lấy xe của người khác để bán lấy tiền tiêu sài, nên khi nghe bị cáo N nói chở đi cầm xe để lấy tiền là bị cáo đã hiểu ý và tiếp nhận ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu sài, nên bị cáo H là đồng phạm với bị cáo N với vai trò là người thực hành tội phạm. Do đó cần phải xử bị cáo N mức án nghiêm khắc hơn so với bị cáo H.

Xét tính chất hành vi và hậu quả do 02 bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương. Bị cáo N có nhân thân xấu, có 01 tiền sự: *Ngày 17/01/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 03/QĐ-TA*; bị cáo N phạm tội 05 lần, bị cáo H phạm tội 02 lần nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Phạm tội 02 lần trở lên*" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, nên cần xử các bị cáo thật nghiêm để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét các bị cáo N, H thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, cần xem xét khi lượng hình. Riêng bị cáo H khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên cần vận dụng Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự để xử lý.

Về quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, tuy nhiên mức án đề nghị xử phạt bị cáo là nặng, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] *Về trách nhiệm dân sự*:

- Đối với yêu cầu của ông Điểu Minh D về số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng mà N và H bán chiếc xe Yamaha loại Sirius, biển số: 36B6-197.43 của người bị hại NBH1 cho

ông D; ông D không biết đây là tài sản các bị cáo phạm tội mà có nên cần buộc các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo H có trách nhiệm bồi thường cho ông D.

- Đối với yêu cầu của ông NBH2 về việc buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông NBH2 số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng là giá trị chiếc xe Honda loại Vision màu đỏ, biển số: 93K1-104.16, tại phiên tòa các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo H đồng ý với yêu cầu của ông NBH2, nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Đối với yêu cầu của người bị hại NBH3 về việc buộc bị cáo N có trách nhiệm bồi thường chiếc xe mô tô Yamaha loại Exciter, biển số: 93H1-245.65 theo kết luận định giá của Hội đồng định giá là 43.397.025 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo N đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại.

- Đối với yêu cầu của người bị hại NBH4 về việc buộc bị cáo N có trách nhiệm bồi thường chiếc xe mô tô Yamaha loại Exciter, biển số: 93K1- 088.77 theo kết luận định giá của Hội đồng định giá là 30.168.110 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo N đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại.

- Đối với yêu cầu của ông NLQ3 về việc buộc bị cáo N có trách nhiệm bồi thường tiền chuộc chiếc xe mô tô Honda loại Vision, biển số: 93P1-944.42 (Bà NLQ2 – con ruột ông NLQ3 là chủ sở hữu) là 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng. Tại phiên tòa, bị cáo N đồng ý bồi thường số tiền trên, cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Các bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị cáo H và Người đại diện hợp pháp của bị cáo H là bà Nguyễn Thị N phải chịu 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng; bị cáo N phải chịu 4.878.256 (*Bốn triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm năm mươi sáu*) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1, điểm b, c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 2 Điều 52, Điều 38, Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 136, Điều 260, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[2]. ***Về tội danh:*** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N (Tên gọi khác: T) và bị cáo Nguyễn Quốc H phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*

[3]. ***Về hình phạt:***

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N (Tý) 03 (ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

[4]. ***Về trách nhiệm dân sự:***

- Buộc bị cáo Nguyễn Quốc H và Người đại diện hợp pháp của bị cáo H là bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm bồi thường cho ông Điểu Minh D 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng, bồi thường cho ông NBH2 12.500.000 (Mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng, Tổng cộng số tiền bị cáo H và Người đại diện hợp pháp của bị cáo H là bà Nguyễn Thị N phải bồi thường là: 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn N (T) có trách nhiệm bồi thường cho ông Điểu Minh D 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng, bồi thường cho ông NBH2 12.500.000 (*Mười hai triệu năm trăm nghìn*) đồng, bồi thường cho ông NBH3 số tiền 43.397.025 *(Bốn mươi ba triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn không trăm hai mươi lăm)* đồng, bồi thường cho bà NBH4 số tiền 30.168.110 *(Ba mươi triệu một trăm sáu mươi tám nghìn một trăm lẻ mười)* đồng và bồi thường cho ông NLQ3 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo N phải bồi thường là: 97.565.135 đồng

[5]. ***Về án phí:***

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo N và bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo H và Người đại diện hợp pháp của bị cáo H là bà Nguyễn Thị N phải chịu 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng; bị cáo N phải chịu 4.878.256 (*Bốn triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm năm mươi sáu*) đồng

[6].***Về quyền kháng cáo***: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo H, Người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi Nhận:
- TAND Tỉnh Bình Phước;
- VKSND Tỉnh Bình Phước;
- CA thị xã Phước Long;
- VKS thị xã Phước Long
- THA thị xã Phước Long;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- THAHS thị xã Phước Long;
- HSVA Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XƯ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Đoàn Ngọc Thảo